

Số: 417/TB-BVNA

Tp. Đồng Nai, ngày 27 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/04/2025 của Bộ Tư pháp về việc ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 234/QĐ-BVNA ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Nhân Ái về việc phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá tài sản thanh lý là xe cứu thương Mercedes-Benz (BKS: 57L-6007) và xe ô tô Ford Transit 16 chỗ ngồi (BKS: 51D-2679) của Bệnh viện Nhân Ái.

Bệnh viện Nhân Ái thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản như sau:

1. Tên đơn vị có tài sản đấu giá

- Bệnh viện Nhân Ái

- Địa chỉ: Thôn Cây Da, xã Phú Nghĩa, Thành phố Đồng Nai

2. Tài sản đấu giá

| STT | Tên tài sản | Biển số | Số lượng | Chất lượng |
|-----|--|----------|----------|--|
| 1 | Xe ô tô Ford Transit 16 chỗ ngồi | 51D-2679 | 01 | Xe không sử dụng lâu ngày. Đầu xe biến dạng bong tróc và rỉ sét. Hệ thống đèn vỡ nát. Màu sơn đã phai, bong tróc. Khoang xe xuống cấp, ghế ngồi xô lệch, đứt gãy. Động cơ bên trong hư hỏng nặng và không còn hoạt động. |
| 2 | Xe ô tô cứu thương Mercedes-Benz | 57L-6007 | 01 | Xe không sử dụng lâu ngày. Màu sơn đã phai, bong tróc. Khoang xe xuống cấp, bề mặt vách và trần bị ố vàng, bong tróc. Động cơ bên trong hư hỏng nặng và không còn hoạt động. |

3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 40.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng*)

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp (Theo Phụ lục đính kèm).

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

5.1. Thời gian nộp hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày đăng Thông báo công khai việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trên Website Bệnh viện Nhân Ái và Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản của Bộ Tư pháp.

5.2. Địa điểm nộp hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

- Nộp trực tiếp tại Bệnh viện Nhân Ái, thôn Cây Da, xã Phú Nghĩa, Tp. Đồng Nai hoặc Văn phòng đại diện, số 43 Lam Sơn, phường Đức Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.

- Nhận qua email: bv.nhanai@tphcm.gov.vn

- Số điện thoại: 0916020152

Nơi nhận:

- Các tổ chức, doanh nghiệp;
- Lưu: VT, HCQT (PHM 02b).



Trần Kim Anh

Phụ lục: Bảng tiêu chí, chấm điểm lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản
(Đính kèm Thông báo số 217/TB-BVNA ngày 27 tháng 5 năm 2026
của Bệnh viện Nhân Ái)

| Stt | Nội dung | Mức tối đa |
|-----------|--|--------------------|
| I | Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | |
| 1. | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Đủ điều kiện |
| 2. | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Không đủ điều kiện |
| II | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | 19,0 |
| 1. | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 10,0 |
| 1.1 | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc | 5,0 |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện | 5,0 |
| 2. | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá | 5,0 |
| 2.1 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 2,0 |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 3,0 |
| 3. | Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp | 2,0 |
| 4. | Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến | 1,0 |

124

| | | |
|-----|--|------|
| 5. | <i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i> | 1,0 |
| III | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án) | 16,0 |
| 1. | <i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i> | 4,0 |
| 1.1 | <i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i> | 2,0 |
| 1.2 | <i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i> | 2,0 |
| 2. | <i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i> | 4,0 |
| 3. | <i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i> | 4,0 |
| 3.1 | <i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i> | 2,0 |
| 3.2 | <i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i> | 2,0 |
| 4. | <i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giú, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i> | 4,0 |
| IV | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản | 57,0 |
| 1. | <i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 15,0 |
| 1.1 | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i> | 12,0 |
| 1.2 | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i> | 13,0 |
| 1.3 | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i> | 14,0 |
| 1.4 | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i> | 15,0 |
| 2. | <i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 7,0 |
| 2.1 | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i> | 4,0 |
| 2.2 | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i> | 5,0 |

| | | |
|-----|---|-----|
| 2.3 | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i> | 6,0 |
| 2.4 | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i> | 7,0 |
| 3. | Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 7,0 |
| 3.1 | <i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i> | 4,0 |
| 3.2 | <i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i> | 5,0 |
| 3.3 | <i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i> | 6,0 |
| 3.4 | <i>Từ 50 cuộc trở lên</i> | 7,0 |
| 4. | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | 3,0 |
| 4.1 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i> | 3,0 |
| 4.2 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y</i> | |
| 4.3 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i> | |
| 5. | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp | 7,0 |



Handwritten signature or mark.

| | | |
|-----|--|-----|
| | Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày <u>Luật đấu giá tài sản</u> có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm | 4,0 |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm | 5,0 |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm | 6,0 |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên | 7,0 |
| 6. | Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0 |
| 6.1 | 01 đấu giá viên | 2,0 |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên | 3,0 |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên | 4,0 |
| 7. | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Thẻ đấu giá viên theo <u>Luật đấu giá tài sản</u> hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo <u>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản</u>) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0 |
| 7.1 | Dưới 05 năm | 2,0 |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm | 3,0 |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên | 4,0 |
| 8. | Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0 |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 3,0 |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 4,0 |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên | 5,0 |

| | | |
|---------------------|--|-----------|
| 9. | <i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0 |
| 9.1 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i> | 3,0 |
| 9.2 | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i> | 4,0 |
| 9.3 | <i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i> | 5,0 |
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định | 3,0 |
| 1 | <i>Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)</i> - <i>Tổ chức hành nghề đấu giá có số lượng chi nhánh hoạt động trên cả nước là nhiều nhất. (Để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận và được tư vấn mua hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá thuận lợi nhất)</i> | 3,0 |
| TỔNG SỐ ĐIỂM | | 95 |



nhc